

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN LỊCH SỬ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Hà Nội, 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	3
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	6
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	6
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC	7
LỚP 10	11
LỚP 11	32
LỚP 12	50
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	73
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	75
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	76

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Lịch sử là môn học thuộc nhóm Khoa học xã hội, được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp ở cấp trung học phổ thông.

Môn Lịch sử có sứ mệnh giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học đồng thời góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, giúp học sinh nhận thức và vận dụng được các bài học lịch sử giải quyết những vấn đề của thực tế cuộc sống, phát triển tầm nhìn, củng cố các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, lòng khoan dung, nhân ái; góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất của công dân Việt Nam, công dân toàn cầu trong xu thế phát triển của thời đại.

Môn Lịch sử hình thành, phát triển cho học sinh tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kỹ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu, nhận thức và trình bày lịch sử trong logic lịch đại và đồng đại, kết nối quá khứ với hiện tại.

Môn Lịch sử giúp học sinh nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của sử học trong đời sống xã hội hiện đại, hiểu biết và có tình yêu đối với lịch sử, văn hoá dân tộc và nhân loại; góp phần định hướng cho học sinh lựa chọn những nghề nghiệp như: nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, ngoại giao, quản lý, hoạt động du lịch, công nghiệp văn hoá, thông tin truyền thông,...

Chương trình môn Lịch sử hệ thống hoá, củng cố kiến thức thông sử ở giai đoạn giáo dục cơ bản, đồng thời giúp học sinh tìm hiểu sâu hơn các kiến thức lịch sử cốt lõi thông qua các chủ đề, chuyên đề học tập về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam. Phương pháp dạy học môn Lịch sử được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của sử học và phương pháp giáo dục hiện đại.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Lịch sử quán triệt đầy đủ quan điểm, mục tiêu, định hướng chung về xây dựng và phát triển chương trình giáo dục phổ thông nêu tại Chương trình tổng thể, đặc biệt là quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, đồng thời nhấn mạnh một số quan điểm sau:

1. Khoa học, hiện đại

Chương trình môn Lịch sử giúp học sinh tiếp cận lịch sử trên cơ sở vận dụng những thành tựu hiện đại của khoa học lịch sử và khoa học giáo dục. Cụ thể:

- a) Chương trình quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam;
- b) Chương trình coi trọng những nguyên tắc nền tảng của khoa học lịch sử, đảm bảo tôn trọng sự thật lịch sử, tính đa diện, phong phú của lịch sử; khách quan, toàn diện trong trình bày và diễn giải lịch sử;
- c) Chương trình hướng tới việc hướng dẫn và khuyến khích học sinh tự tìm hiểu, khám phá lịch sử theo những nguyên tắc của khoa học lịch sử, thông qua đó giúp học sinh phát triển tư duy lịch sử và tư duy phản biện;
- d) Chương trình góp phần xây dựng khả năng phân tích, đánh giá các nhân vật, sự kiện, quá trình lịch sử một cách khoa học, giúp học sinh nhận thức được những quy luật, bài học lịch sử và vận dụng vào thực tiễn.

2. Hệ thống, cơ bản

Trục phát triển chính của Chương trình môn Lịch sử là hệ thống các chủ đề và chuyên đề học tập về những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam, nhằm nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà học sinh đã được học ở cấp trung học cơ sở. Cụ thể:

- a) Các chủ đề và chuyên đề lịch sử của chương trình mang tính hệ thống, cơ bản, xuất phát từ yêu cầu phát triển năng lực và giáo dục lịch sử đối với từng lớp học;
- b) Các hợp phần kiến thức của chương trình bảo đảm tính logic (trong mối liên hệ lịch đại và đồng đại, sự tương tác giữa lịch sử Việt Nam với lịch sử khu vực và lịch sử thế giới...);
- c) Chương trình bảo đảm cho học sinh tiếp cận những tri thức lịch sử cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tư tưởng; phát triển cho học sinh năng lực tự học lịch sử suốt đời và khả năng ứng dụng vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội của thế giới, khu vực và Việt Nam.

3. Thực hành, thực tiễn

Chương trình môn Lịch sử coi trọng nội dung thực hành lịch sử, kết nối lịch sử với thực tiễn cuộc sống. Cụ thể:

a) Chương trình coi thực hành là một nội dung quan trọng và là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực học sinh;

b) Chương trình tăng cường thời lượng thực hành; đa dạng hoá các loại hình thực hành thông qua các hình thức tổ chức giáo dục như hoạt động nhóm, cá nhân tự học; học ở trên lớp, bảo tàng, thực địa; học qua dự án, di sản;...;

c) Chương trình bảo đảm phù hợp với thực tiễn và điều kiện kinh tế – xã hội của đất nước và của các địa phương. Thông qua hệ thống chủ đề và chuyên đề học tập, các hình thức tổ chức giáo dục, chương trình tạo ra độ mềm dẻo, linh hoạt để có thể điều chỉnh phù hợp với các địa phương và các nhóm đối tượng học sinh, đồng thời bảo đảm trình độ chung của giáo dục phổ thông trong cả nước, tương thích với trình độ khu vực và thế giới.

4. Dân tộc, nhân văn

Chương trình môn Lịch sử giúp học sinh nhận thức đúng về những giá trị truyền thống của dân tộc, hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam và những giá trị phổ quát của công dân toàn cầu. Cụ thể:

a) Chương trình giúp học sinh có nhận thức đúng về chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, tiên bộ của dân tộc Việt Nam, vị thế của quốc gia – dân tộc trong khu vực và trên thế giới trong các thời kì lịch sử, hướng tới xây dựng lòng tự hào dân tộc chân chính, nhận thức được thế mạnh và cả những hạn chế trong di sản lịch sử của dân tộc;

b) Chương trình giúp học sinh hình thành, phát triển các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, chống các định kiến, kì thị về xã hội, văn hoá, sắc tộc, tôn giáo; hướng tới các giá trị khoan dung, nhân ái, tôn trọng sự khác biệt và bình đẳng giữa các dân tộc, các cộng đồng người, các giới và nhóm xã hội; hướng tới hoà bình, hoà giải, hoà hợp và hợp tác;

c) Chương trình giúp học sinh có thái độ đúng đắn, tích cực đối với các vấn đề bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên, môi trường, hướng tới phát triển bền vững và đấu tranh vì thế giới hoà bình, xã hội tiến bộ, minh bạch, công bằng, văn minh.

5. Mở, liên thông

Chương trình môn Lịch sử có tính mở, tính liên thông. Cụ thể:

a) Cấu trúc kiến thức, kĩ năng môn Lịch sử tạo cơ hội cho học sinh kết nối, liên thông với kiến thức, kĩ năng các môn học khác như Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Giáo dục quốc phòng và an ninh,...;

b) Chương trình dành quyền chủ động cho địa phương và nhà trường phát triển kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương, dành không gian sáng tạo cho giáo viên nhằm thực hiện chủ trương “một chương trình, nhiều sách giáo khoa”; chú trọng phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong giáo dục lịch sử;

c) Chương trình bảo đảm nguyên tắc tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hóa dần ở các lớp học trên; kết nối chặt chẽ giữa các cấp học, giữa các lớp học trong từng cấp học và liên thông với chương trình giáo dục nghề nghiệp và chương trình giáo dục đại học.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Lịch sử giúp học sinh phát triển năng lực lịch sử, biểu hiện của năng lực khoa học đã được hình thành ở cấp trung học cơ sở; góp phần giáo dục tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, các phẩm chất, năng lực của người công dân Việt Nam, công dân toàn cầu phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; giúp học sinh tiếp cận và nhận thức rõ vai trò, đặc điểm của khoa học lịch sử cũng như sự kết nối giữa sử học với các lĩnh vực khoa học và ngành nghề khác, tạo cơ sở để học sinh định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình môn Lịch sử giúp học sinh phát triển năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề, chuyên đề về lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh. Năng lực lịch sử có các thành phần là: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Các biểu hiện cụ thể của năng lực lịch sử được trình bày trong bảng sau:

Thành phần năng lực	Biểu hiện
TÌM HIỂU LỊCH SỬ	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử; hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập. – Tái hiện và trình bày được dưới hình thức nói hoặc viết diễn trình của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể.
NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguồn gốc, sự vận động của các sự kiện lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại; so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện lịch sử, lí giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử. – Đưa ra được những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử; hiểu được sự tiếp nối và thay đổi của lịch sử; biết suy nghĩ theo những chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	Rút ra được bài học lịch sử và vận dụng được kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; trên nền tảng đó, có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

1.1. Nội dung cốt lõi

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHỦ ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP			
– Lịch sử và Sử học	×		

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
– Vai trò của Sử học	×		
LỊCH SỬ THẾ GIỚI			
– Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ – trung đại	×		
– Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	×		
– Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản		×	
– Sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội		×	
– Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh			×
– Quá trình phát triển kinh tế – xã hội của nước Mỹ từ năm 1945 đến nay			×
– Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 đến nay			×
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á			
– Văn minh Đông Nam Á	×		
– Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á		×	
– ASEAN: Những chặng đường lịch sử			×
LỊCH SỬ VIỆT NAM			
– Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	×		
– Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	×		
– Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt		×	

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)			
– Làng xã Việt Nam trong lịch sử		×	
– Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)		×	
– Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông		×	
– Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay)			×
– Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay			×
– Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam			×
– Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam			×

1.2. Chuyên đề học tập

a) Mục tiêu

Bên cạnh nội dung giáo dục cốt lõi, trong mỗi năm học, những học sinh có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Mục tiêu của các chuyên đề này là:

- Mở rộng, nâng cao kiến thức và năng lực lịch sử đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu ở cấp trung học phổ thông.
- Giúp học sinh hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế, những ngành nghề có liên quan đến lịch sử để học sinh có cơ sở định hướng nghề nghiệp sau này cũng như có đủ năng lực để giải quyết những vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học lịch sử suốt đời.

– Tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế, giúp học sinh phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử thế giới.

b) Nội dung các chuyên đề học tập

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHUYÊN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP Chuyên đề 10.1: Các lĩnh vực của Sử học	×		
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ Chuyên đề 10.2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam Chuyên đề 11.1: Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam Chuyên đề 12.1: Lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	×	×	×
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC Chuyên đề 10.3: Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử Chuyên đề 11.2: Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX Chuyên đề 11.3: Danh nhân trong lịch sử Việt Nam Chuyên đề 12.2: Nhật Bản: Hành trình lịch sử từ năm 1945 đến nay Chuyên đề 12.3: Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	×	×	×

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 10

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC	
<p><i>Lịch sử hiện thực và nhận thức lịch sử</i></p> <p><i>Lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Lịch sử hiện thực – Lịch sử được con người nhận thức <p><i>Sử học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm sử học – Đối tượng nghiên cứu của sử học – Chức năng, nhiệm vụ – Một số nguyên tắc cơ bản của sử học – Khái quát về các nguồn sử liệu – Một số phương pháp cơ bản của sử học 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm lịch sử. – Phân biệt được lịch sử hiện thực và lịch sử được con người nhận thức thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được khái niệm sử học. – Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học thông qua ví dụ cụ thể. – Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học thông qua ví dụ cụ thể. – Nêu được ý nghĩa của một số nguyên tắc cơ bản của sử học: khách quan, trung thực, tiến bộ. – Phân biệt được các nguồn sử liệu: chữ viết, hiện vật lịch sử,... – Nêu được một số phương pháp cơ bản của sử học: phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp trình bày lịch sử theo lịch đại và đồng đại, phương pháp tiếp cận liên ngành. Bước đầu vận dụng được một số

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	phương pháp cơ bản của sử học thông qua các bài tập cụ thể (ở mức độ đơn giản).
<p><i>Tri thức lịch sử và cuộc sống</i></p> <p><i>Vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhu cầu nhận thức về cội nguồn, về bản sắc văn hoá của con người trong mọi thời đại – Đúc rút và vận dụng kinh nghiệm trong thực tế cuộc sống – Dự báo về tương lai <p><i>Học tập và khám phá lịch sử suốt đời</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời – Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử – Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời. – Biết cách sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử. – Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). – Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.
VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	
<p><i>Sử học với các lĩnh vực khoa học khác</i></p> <p><i>Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sử học – môn khoa học liên ngành 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được sử học là môn khoa học liên ngành: kết hợp phương pháp, tri thức từ các ngành nghiên cứu khác

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>– Mối liên hệ giữa sử học và các ngành khoa học xã hội, nhân văn khác</p> <p><i>Sử học với các môn khoa học tự nhiên và công nghệ</i></p> <p>– Vai trò của các môn khoa học tự nhiên và công nghệ đối với sử học.</p> <p>– Vai trò của sử học với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.</p>	<p>nhau để giải quyết vấn đề một cách toàn diện, hiệu quả, khoa học.</p> <p>– Phân tích được mối liên hệ giữa sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác: Sử học cung cấp thông tin, bối cảnh lịch sử,... cho các ngành địa lí, văn học, nghệ thuật,... Ngược lại, các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác hỗ trợ việc tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử.</p> <p>– Nêu được vai trò của các môn khoa học tự nhiên và công nghệ đối với công tác nghiên cứu lịch sử: cung cấp tri thức, công nghệ, kĩ thuật,...</p> <p>– Giải thích được sự hỗ trợ của sử học đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ: cung cấp thông tin, bối cảnh lịch sử, lịch sử phát triển ngành,...</p>
<p><i>Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại</i></p> <p><i>Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên</i></p> <p>– Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá</p> <p>– Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và thiên nhiên</p>	<p>– Phân tích được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.</p> <p>– Vận động được các bạn và mọi người ở xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hoá, di sản thiên nhiên ở địa phương.</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Sử học với sự phát triển công nghiệp văn hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vai trò của sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá – Vai trò của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hoá đối với sử học <p><i>Sử học với sự phát triển du lịch</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch – Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vai trò của sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá: Sử học cung cấp tri thức, ý tưởng và cảm hứng cho các ngành công nghiệp văn hoá. – Trình bày được tác động của sự phát triển của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hoá đối với việc quảng bá cho truyền thống lịch sử và giá trị văn hoá của dân tộc; tri thức lịch sử và văn hoá nhân loại. – Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch thông qua ví dụ cụ thể. – Phân tích được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá: du lịch mang lại nguồn lực hỗ trợ cho việc bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI	
<p><i>Khái niệm văn minh thế giới</i></p> <p><i>Khái niệm văn minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm văn minh – Phân biệt văn minh và văn hoá <p><i>Khái quát lịch sử văn minh thế giới</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm văn minh. – Phân biệt được ở mức cơ bản khái niệm văn minh, văn hoá.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Những thành tựu cơ bản 	kiện tự nhiên, dân cư, sự phát triển kinh tế, chính trị – xã hội,... <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh Ấn Độ: chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo,...
<p>Một số nền văn minh phương Tây</p> <p><i>Văn minh Hy Lạp – La Mã</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành <ul style="list-style-type: none"> – Những thành tựu cơ bản <p><i>Văn minh thời Phục hưng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử <ul style="list-style-type: none"> – Những thành tựu cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời kì cổ – trung đại. – Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Hy Lạp – La Mã: điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế, chính trị – xã hội, ảnh hưởng và giao lưu văn hoá,... – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh Hy Lạp – La Mã: chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao,... – Phân tích được bối cảnh lịch sử, những tiền đề kinh tế, chính trị, xã hội,... hình thành Phong trào Văn hoá Phục hưng. – Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh thời Phục hưng: tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật, thiên văn học,...
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI	
<p><i>Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Những thành tựu cơ bản 	<p>về các cuộc cách mạng công nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (nửa sau thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX). – Nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất: phát minh và sử dụng máy hơi nước, động cơ đốt trong để cơ giới hoá sản xuất, phát triển giao thông vận tải,...
<p><i>Cách mạng công nghiệp lần thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Những thành tựu cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra Cách mạng công nghiệp lần thứ hai (nửa sau thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX). – Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai: sử dụng điện năng, động cơ điện gắn với quá trình điện khí hoá, sản xuất dây chuyền, sự phát triển của các ngành công nghiệp hoá chất, dầu mỏ, thép, điện lực, in ấn,...
<p><i>Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về xã hội, văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với sự phát triển kinh tế (tăng năng suất lao động, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá,...). – Phân tích được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với xã hội, văn hoá: sự phát

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<p>triển của giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp, quá trình đô thị hoá; những thay đổi về lối sống, văn hoá.</p>
<p><i>Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại</i> <i>Cách mạng công nghiệp lần thứ ba</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Những thành tựu cơ bản <p><i>Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Những thành tựu cơ bản <p><i>Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về xã hội, văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra Cách mạng công nghiệp lần thứ ba (nửa sau thế kỉ XX). – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: tự động hoá dựa vào máy tính, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, Internet,... <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét chính về bối cảnh diễn ra Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (những năm đầu thế kỉ XXI). – Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: sự phát triển kĩ thuật số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và sự phát triển của các công nghệ liên ngành, đa ngành,... <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế của thế giới thông qua ví dụ cụ thể. – Phân tích được tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đối với xã hội, văn hoá.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. – Vận dụng được những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội,...
VĂN MINH ĐÔNG NAM Á	
<p><i>Cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á</i></p> <p><i>Cơ sở tự nhiên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí – Điều kiện tự nhiên, khí hậu <p><i>Cơ sở xã hội</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cư dân, tộc người – Tổ chức xã hội <p><i>Ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc – Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được tác động của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, khí hậu đối với sự hình thành văn minh Đông Nam Á. – Nêu được nét khái quát về cơ sở xã hội của văn minh Đông Nam Á: cư dân, tộc người, tổ chức xã hội. – Phân tích được những ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc đối với văn minh Đông Nam Á. – Phân tích được những ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đối với văn minh Đông Nam Á.
<p><i>Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á</i></p> <p><i>Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. – Trình bày được các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á trên đường thời gian.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>– Các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á</p> <p><i>Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tôn giáo và tín ngưỡng – Văn tự và văn học – Kiến trúc và điêu khắc 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á: tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc,... – Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	
<p><i>Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam</i></p> <p><i>Văn minh sông Hồng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu tiêu biểu <p><i>Văn minh Champa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu tiêu biểu <p><i>Văn minh Phù Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu tiêu biểu 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh sông Hồng. – Nêu được cơ sở hình thành văn minh sông Hồng: điều kiện tự nhiên, cơ sở xã hội,... – Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,... – Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước,... – Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. – Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<p>Phù Nam: đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.</p> <p>– Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.</p>
<p><i>Văn minh Đại Việt</i></p> <p><i>Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm văn minh Đại Việt – Cơ sở hình thành – Quá trình phát triển <p><i>Một số thành tựu của văn minh Đại Việt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về chính trị – Về tư tưởng, tôn giáo – Về văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. – Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt: kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc. – Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt trên đường thời gian. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt. – Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt – Ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nhận xét về những ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt. – Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. – Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	
<p><i>Các dân tộc trên đất nước Việt Nam</i></p> <p><i>Thành phần dân tộc theo dân số</i></p> <p><i>Thành phần dân tộc theo ngữ hệ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm ngữ hệ và việc phân chia tộc người theo ngữ hệ 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được thành phần dân tộc theo dân số. – Trình bày được khái niệm ngữ hệ và việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
<p><i>Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đời sống vật chất – Đời sống tinh thần 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam: sản xuất nông nghiệp, ngành nghề thủ công,... – Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam: sự đa dạng về văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam</i> <i>Khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự hình thành khởi đại đoàn kết dân tộc – Vai trò của khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước – Vai trò của khởi đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay <p><i>Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc – Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nét chính về sự hình thành khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. – Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khởi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. – Phân tích được vai trò, tầm quan trọng của khởi đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. – Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”. – Phân tích được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng,... – Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khởi đại đoàn kết dân tộc.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
– Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa, tham quan di sản lịch sử, văn hoá,...	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Tham quan các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. – Tổ chức các câu lạc bộ “Em yêu lịch sử”, “Nhà sử học trẻ tuổi”,... – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... 	

CHUYÊN ĐỀ LỚP 10

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 10.1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC	
<p><i>Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực</i> <i>Khái quát về một số cách trình bày lịch sử truyền thống</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kể chuyện về quá khứ – Lịch sử biên niên – ... <p><i>Thông sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm – Nội dung chính <p><i>Lịch sử theo lĩnh vực</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về các lĩnh vực của lịch sử – Ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực <p><i>Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được khái niệm thông sử. – Nêu được nội dung chính của thông sử. – Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử – Giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Lịch sử dân tộc – Lịch sử thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc – Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử thế giới.
<p><i>Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam</i></p> <p><i>Lịch sử văn hoá Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam – Khái lược tiến trình lịch sử văn hoá Việt Nam <p><i>Lịch sử tư tưởng Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng, phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam – Khái lược lịch sử tư tưởng Việt Nam <p><i>Lịch sử xã hội Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng của lịch sử xã hội – Khái lược về xã hội Việt Nam truyền thống và hiện đại <p><i>Lịch sử kinh tế Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng của lịch sử kinh tế – Khái lược lịch sử kinh tế Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam trên đường thời gian. – Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử tư tưởng Việt Nam trên đường thời gian. – Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam trên đường thời gian. – Giải thích được đối tượng của lịch sử kinh tế. – Tóm tắt được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam trên đường thời gian.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 10.2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM	
<p><i>Di sản văn hoá</i></p> <p><i>Khái niệm di sản văn hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm di sản văn hoá – Ý nghĩa của di sản văn hoá <p><i>Phân loại di sản văn hoá và xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân loại di sản văn hoá – Xếp hạng di sản văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm di sản văn hoá. – Nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau. – Chỉ ra được một số cách phân loại, xếp hạng di sản văn hoá. – Phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá.
<p><i>Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá</i></p> <p><i>Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm bảo tồn di sản văn hoá – Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá <p><i>Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở khoa học của công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá. – Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển. – Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>văn hoá</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá <p><i>Vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. – Trách nhiệm của các bên liên quan: Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá 	<p>văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,... <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. – Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức xã hội, nhà trường, cộng đồng, công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản thông qua ví dụ cụ thể. – Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa phương và đất nước.
<p><i>Một số di sản văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (gợi ý)</i></p> <p><i>Giới thiệu một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Dân ca quan họ Bắc Ninh – Ca trù – Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên – Nhã nhạc cung đình Huế – Đờn ca tài tử Nam Bộ – ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Giới thiệu một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Trống đồng Đông Sơn – Thành Cổ Loa – Hoàng thành Thăng Long – Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội) – Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh – Thành Nhà Hồ – Cố đô Huế – Tháp Chăm – ... <p><i>Giới thiệu một số di sản thiên nhiên tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các Công viên địa chất: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng – Vịnh Hạ Long – Vườn quốc gia Cúc Phương – Vườn quốc gia Cát Tiên – ... <p><i>Giới thiệu một số di sản phức hợp tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khu di tích – danh thắng Tràng An (Ninh Bình) – Khu di tích – danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh) 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hoá vật thể tiêu biểu. <ul style="list-style-type: none"> – Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu. <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	– Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số các di sản phức hợp tiêu biểu.
Chuyên đề 10.3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ	
<p><i>Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)</i></p> <p><i>Một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần – Nhà nước quân chủ thời Lê sơ – Nhà nước quân chủ thời Nguyễn <p><i>Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Quốc triều hình luật – Hoàng Việt luật lệ 	<ul style="list-style-type: none"> – Suu tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. – Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. – Phân tích được nét chính của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.
<p><i>Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 – 1976)</i></p> <p><i>Sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà – Ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà <p><i>Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Phân tích được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Cộng hoà</p> <p>– Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976</p>	<p>Nam Dân chủ Cộng hoà.</p> <p>– Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945 – 1976.</p>
<p><i>Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay</i></p> <p><i>Sự ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i></p> <p>– Bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>– Ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p><i>Vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i></p> <p>– Vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế</p>	<p>– Phân tích được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>– Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>– Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.</p>
<p><i>Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay</i></p> <p><i>Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay</i></p> <p>– Bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp Việt Nam: các năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013</p>	<p>– Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946, 1959, 1980, 1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>– Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam</p> <p><i>Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam: Hiến pháp năm 1946</i></p> <p>– Một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946</p> <p>– Ý nghĩa lịch sử</p> <p><i>Hiến pháp của thời kì đổi mới: Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013</i></p> <p>– Hiến pháp năm 1992: Hiến pháp đầu tiên của thời kì đổi mới</p> <p>– Hiến pháp năm 2013: Hiến pháp thứ hai của thời kì đổi mới</p>	<p>– Phân tích được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lí để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước,...</p> <p>– Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,...</p> <p>– Phân tích được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 – Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>– Nêu được một số nét chính của Hiến pháp năm 1992: ban hành trong những năm đầu của công cuộc Đổi mới, là cơ sở chính trị – pháp lí quan trọng để thực hiện công cuộc Đổi mới,...</p> <p>– Phân tích được điểm mới của Hiến pháp năm 2013: sự tiến bộ về tư tưởng dân chủ, cơ cấu Nhà nước, kĩ thuật lập hiến,...</p> <p>– Có ý thức trân trọng lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và sẵn sàng vận động người khác cùng tuân thủ pháp luật.</p>

LỚP 11

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN	
<p>Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản</p> <p><i>Tiền đề của cách mạng tư sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kinh tế – Chính trị – Xã hội – Tư tưởng <p><i>Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Mục tiêu và nhiệm vụ – Giai cấp lãnh đạo và động lực cách mạng <p><i>Các loại hình, tính chất và đặc điểm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các loại hình – Tính chất và đặc điểm 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được tiền đề của cách mạng tư sản: kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng thông qua ví dụ cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp. – Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản thông qua dẫn chứng cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp. – Nêu được các loại hình cách mạng tư sản thông qua ví dụ cụ thể. – Phân tích được tính chất và đặc điểm của cách mạng tư sản thông qua dẫn chứng cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kết quả của các cuộc cách mạng tư sản – Ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản thông qua ví dụ cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp.
<p><i>Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản</i></p> <p><i>Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ <p><i>Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chủ nghĩa đế quốc và quá trình xâm lược thuộc địa – Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản – Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền <p><i>Chủ nghĩa tư bản hiện đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại – Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ trên bản đồ hoặc đường thời gian. – Giải thích được tầm quan trọng của thuộc địa đối với sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc thông qua ví dụ cụ thể. – Phân tích được sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản. – Phân tích được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền. – Giải thích được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. – Chỉ ra được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. – Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng được những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	
<p><i>Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>Bối cảnh lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển của phong trào công nhân – Chủ nghĩa xã hội không tưởng <p><i>Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học – Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản và những luận điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được bối cảnh lịch sử xuất hiện chủ nghĩa xã hội khoa học: sự phát triển và trưởng thành của giai cấp công nhân và phong trào công nhân,... – Phân tích được nét chính của chủ nghĩa xã hội không tưởng về các mặt tích cực, hạn chế. – Tóm tắt được nét cơ bản về những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học (K. Marx, F. Engels): thân thế, sự nghiệp, đóng góp chính. – Suu tầm và khai thác thông tin từ Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản để hiểu những luận điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học.
<p><i>Sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội</i> <i>Sự hình thành Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Quá trình hình thành Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. – Ý nghĩa của việc xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết – Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. – Nêu được ý nghĩa của việc xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>tiên trên thế giới.</p> <p><i>Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu – Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở châu Á và Cuba – Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô <p><i>Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thành tựu chính của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc và công cuộc Đổi mới ở Việt Nam – Thách thức và triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. – Phân tích được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á (Trung Quốc, Việt Nam, Lào), ở khu vực Mỹ Latinh (Cuba). – Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô. – Nêu được ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc và công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đối với sự phát triển chủ nghĩa xã hội. – Nêu được nét chính về những thách thức và triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam. – Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	
<p><i>Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á</i></p>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Quá trình xâm lược và cai trị của thực dân phương Tây đối với Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đông Nam Á hải đảo – Đông Nam Á lục địa <p><i>Công cuộc cải cách ở Xiêm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Công cuộc cải cách ở Xiêm – Ý nghĩa của công cuộc cải cách ở Xiêm 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa). – Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
<p><i>Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á</i></p> <p><i>Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đông Nam Á hải đảo – Đông Nam Á lục địa <p><i>Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cuối thế kỉ XIX đến năm 1920 – Từ năm 1920 đến năm 1945 – Từ năm 1945 đến năm 1975 <p><i>Các con đường khác nhau đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các cuộc kháng chiến chống thực dân, giải phóng dân tộc ở các thuộc địa của Pháp 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (Indonesia, Philippines) và Đông Nam Á lục địa (Myanmar, ba nước Đông Dương). – Chỉ ra được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trên đường thời gian. – Giải thích được sự đa dạng của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á. – Có ý thức trân trọng thành quả đấu tranh giải phóng của

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Đàm phán hoà bình với chính quyền thực dân ở các thuộc địa của Anh, Mỹ,... <p><i>Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Những ảnh hưởng của chế độ thực dân – Quá trình tái thiết và phát triển 	<p>các dân tộc bị áp bức.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. – Vận dụng được những hiểu biết về quá trình giành độc lập dân tộc và phát triển ở Đông Nam Á để giải thích về sự đa dạng của các nước Đông Nam Á hiện nay.
<p>CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)</p>	
<p><i>Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam</i></p> <p><i>Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa chiến lược của Việt Nam – Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam <p><i>Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. – Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam. – Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ Việt Nam trong lịch sử, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 – Cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 và năm 1075 – 1077 – Ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên – Kháng chiến chống quân Xiêm năm 1784 – 1785 – Kháng chiến chống quân Thanh năm 1789 <p><i>Một số cuộc kháng chiến không thành công</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kháng chiến chống quân Triệu – Kháng chiến chống Minh – Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nửa sau thế kỉ XIX <p>– Nguyên nhân không thành công</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Xây dựng bảng tóm tắt nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam: thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả,... – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. – Xây dựng bảng tóm tắt nội dung chính của các cuộc kháng chiến không thành công (kháng chiến chống quân Triệu, kháng chiến chống Minh, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nửa sau thế kỉ XIX) về: thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả,... – Giải thích được nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử. – Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. – Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN – đến cuối thế kỉ XIX)</i></p> <p><i>Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khởi nghĩa Hai Bà Trưng – Khởi nghĩa Bà Triệu – Khởi nghĩa Lý Bí – Khởi nghĩa Phùng Hưng <p><i>Khởi nghĩa Lam Sơn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Diễn biến chính – Ý nghĩa lịch sử <p><i>Phong trào Tây Sơn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Diễn biến chính – Ý nghĩa lịch sử <p><i>Một số bài học lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về quá trình tập hợp lực lượng – Về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc – Về nghệ thuật quân sự 	<ul style="list-style-type: none"> – Xây dựng bảng tóm tắt nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc: thời gian, địa điểm, lãnh tụ, những trận đánh lớn, kết quả,... – Đánh giá được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu. – Phân tích được bối cảnh lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn. – Trình bày được diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn trên bản đồ. – Nêu được ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn. – Phân tích được bối cảnh lịch sử và những diễn biến chính của phong trào Tây Sơn. – Nêu được ý nghĩa của phong trào Tây Sơn. – Rút ra những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam: quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. – Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
LÀNG XÃ VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ	
<p><i>Giới thiệu chung về làng xã</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm làng xã – Các loại hình làng xã – Tên gọi làng xã <p><i>Nguồn gốc và quá trình phát triển của làng xã Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguồn gốc của làng xã – Quá trình phát triển làng xã Việt Nam <p><i>Kinh tế làng xã</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kinh tế nông nghiệp và chế độ sở hữu ruộng đất – Thương nghiệp, thủ công nghiệp làng xã <p><i>Tổ chức xã hội ở làng xã Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các loại hình tổ chức xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm làng xã. – Phân biệt được các loại hình làng xã. – Giải thích được cách thức đặt tên các làng xã qua một số ví dụ cụ thể. – Giải thích được nguồn gốc của làng xã Việt Nam. – Nêu được nét chính về sự phát triển của làng xã qua các thời kì lịch sử. – Phân tích được nét chính về kinh tế của làng xã Việt Nam: kinh tế nông nghiệp, chế độ sở hữu ruộng đất, thương nghiệp, thủ công nghiệp làng xã. – Phân biệt được các hình thức tổ chức xã hội của làng xã

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Bộ máy quản lí – Hương ước, luật tục <p><i>Phong tục, tập quán và một số lễ hội làng xã cổ truyền</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Phong tục, tập quán – Lễ hội truyền thống 	<p>Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sơ lược về bộ máy quản lí làng xã ở Việt Nam. – Nhận diện được thể nào là hương ước, luật tục và ý nghĩa của nó. <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số phong tục, tập quán trong làng xã. – Giới thiệu được một số lễ hội truyền thống tiêu biểu của làng xã Việt Nam. – Có ý thức tôn trọng phong tục, tập quán, lễ hội của làng xã ở địa phương và trong cả nước nói chung.
MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	
<p><i>Khái lược về cải cách</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm cải cách – Một số biểu hiện của các cuộc cải cách 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm cải cách. – Phân tích được những biểu hiện của các cuộc cải cách.
<p><i>Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858</i></p> <p><i>Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (đầu thế kỉ XV)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Nội dung chính – Kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được bối cảnh lịch sử, nội dung và đánh giá ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ. – Nêu được nhận xét về nguyên nhân thất bại của triều Hồ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỉ XV</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Nội dung chính – Kết quả <p><i>Cuộc cải cách Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Nội dung chính – Kết quả 	<p>trong sự nghiệp cải cách và kháng chiến bảo vệ Tổ quốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được bối cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của cuộc cải cách thời Lê Thánh Tông. – Phân tích được bối cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của cuộc cải cách thời Minh Mạng. – Đánh giá kết quả và nêu được bài học kinh nghiệm của cuộc cải cách Minh Mạng. – Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG	
<p><i>Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông</i></p> <p><i>Vị trí của Biển Đông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí – Đặc điểm <p><i>Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tuyến đường giao thông biển huyết mạch – Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ. – Nêu được những đặc điểm của Biển Đông. – Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển <i>Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông</i> – Vị trí, đặc điểm của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa – Tầm quan trọng chiến lược của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. – Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.
<p><i>Việt Nam và Biển Đông</i></p> <p><i>Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về quốc phòng, an ninh – Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm <p><i>Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục – Tình hình tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông: quá khứ và hiện tại – Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. – Giải thích được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử. – Trình bày được tình hình tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông. – Nêu được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Ban hành văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền – Tham gia Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS) – Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012 – Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) – Tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình. – Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
<ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa, tham quan di tích lịch sử, văn hoá. – Tham quan các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử,... – Tổ chức các câu lạc bộ: “Em yêu lịch sử”, “Nhà sử học trẻ tuổi”,... – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... 	

CHUYÊN ĐỀ LỚP 11

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 11.1: LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM	
<p><i>Nghệ thuật thời Lý – Trần</i> <i>Nghệ thuật thời Lý</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Điêu khắc <p><i>Nghệ thuật thời Trần</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc – Điêu khắc 	<p>tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...
<p><i>Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc</i></p> <p><i>Nghệ thuật thời Lê sơ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc – Điêu khắc <p><i>Nghệ thuật thời Mạc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc – Điêu khắc 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – Liệt kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc. – Nêu được những điểm chính của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.
<p><i>Nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn</i></p> <p><i>Nghệ thuật thời Lê trung hưng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc – Điêu khắc – Mỹ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lê trung hưng về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Nghệ thuật thời Nguyễn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc – Điêu khắc – Mỹ thuật – Âm nhạc 	<ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.
<p>Chuyên đề 11.2: CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX</p>	
<p><i>Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX</i></p> <p><i>Hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918): nguyên nhân, hậu quả và tác động – Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945): nguyên nhân, hậu quả và tác động <p><i>Cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô – Hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới – Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh <p><i>Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới. – Đánh giá được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới. <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hoà bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hoà bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>giới thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Phong trào kháng chiến chống phát xít ở châu Âu, châu Á, châu Phi – Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. – Phân tích được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.
<p><i>Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay</i></p> <p><i>Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân, đặc điểm – Hậu quả – Kết thúc Chiến tranh lạnh: nguyên nhân và tác động <p><i>Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực – Cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ <p><i>Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh. – Đánh giá được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. – Phân tích được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. – Giải thích được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,... – Suu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hoà bình

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>thế giới trong Chiến tranh lạnh</p> <p>– Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam</p> <p>– Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh</p>	<p>của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh: Đại hội hoà bình thế giới ngày 26 tháng 4 năm 1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng Hoà bình thế giới và các hoạt động chính.</p> <p>– Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.</p> <p>– Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.</p> <p>– Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.</p>
<p>Chuyên đề 11.3: DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM</p>	
<p><i>Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc</i></p> <p><i>Khái niệm danh nhân</i></p> <p><i>Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc</i></p>	<p>– Giải thích được khái niệm danh nhân.</p> <p>– Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ – trung đại (Gợi ý lựa chọn)</p> <p><i>Đinh Bộ Lĩnh</i></p> <p><i>Trần Thủ Độ</i></p> <p><i>Lê Thánh Tông</i></p> <p><i>Minh Mệnh</i></p> <p>...</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ – trung đại. – Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ – trung đại. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.
<p>Một số danh nhân quân sự Việt Nam (Gợi ý lựa chọn)</p> <p><i>Ngô Quyền</i></p> <p><i>Trần Quốc Tuấn</i></p> <p><i>Nguyễn Huệ</i></p> <p><i>Võ Nguyên Giáp</i></p> <p>...</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. – Đánh giá được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc.
<p>Một số danh nhân văn hoá Việt Nam (Gợi ý lựa chọn)</p> <p><i>Trần Nhân Tông</i></p> <p><i>Nguyễn Trãi</i></p> <p><i>Nguyễn Du</i></p> <p><i>Hồ Xuân Hương</i></p> <p>...</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam. – Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hoá trong lịch sử dân tộc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo (Gợi ý lựa chọn)</p> <p><i>Chu Văn An</i> <i>Lê Quý Đôn</i> <i>Tuệ Tĩnh</i> <i>Trần Đại Nghĩa</i> <i>Tôn Thất Tùng</i> <i>Đào Duy Anh</i> ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo. – Nêu được nhận xét về đóng góp chính của danh nhân trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo thông qua ví dụ cụ thể. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo trong lịch sử dân tộc.

LỚP 12

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH	
<p>Liên hợp quốc</p> <p><i>Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Lịch sử hình thành – Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc. – Phân tích được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc. – Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Liên

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>– Cơ cấu tổ chức</p> <p><i>Vai trò của Liên hợp quốc</i></p> <p>– Trong lĩnh vực hoà bình, an ninh quốc tế</p> <p>– Trong lĩnh vực phát triển</p> <p>– Trong lĩnh vực quyền con người, văn hoá, xã hội và các lĩnh vực khác</p> <p><i>Liên hợp quốc và Việt Nam</i></p> <p>– Hoạt động của các tổ chức quốc tế của Liên hợp quốc ở Việt Nam</p> <p>– Đóng góp của Việt Nam đối với các hoạt động của Liên hợp quốc</p>	<p>hợp quốc.</p> <p>– Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của Liên hợp quốc.</p> <p>– Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế thông qua ví dụ cụ thể.</p> <p>– Phân tích được vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân.</p> <p>– Phân tích được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội và các lĩnh vực khác.</p> <p>– Nêu được nhận xét về vai trò của các tổ chức quốc tế của Liên hợp quốc ở Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.</p> <p>– Nêu được nhận xét về đóng góp của Việt Nam đối với các hoạt động của Liên hợp quốc. Tự hào về vai trò và đóng góp của Việt Nam và có ý thức sẵn sàng đóng góp sự nghiệp chung của Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế.</p>
<p><i>Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh</i></p> <p><i>Trật tự thế giới hai cực Yalta</i></p>	<p>– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực Yalta.</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Sự hình thành – Nội dung <p><i>Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Yalta</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân sụp đổ – Hệ quả và tác động 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được sự hình thành Trật tự thế giới hai cực Yalta. – Trình bày được những nét chính của Trật tự thế giới hai cực Yalta. – Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Yalta. – Phân tích được hệ quả và tác động sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực Yalta đối với tình hình thế giới.
<p><i>Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh</i></p> <p><i>Những chuyển biến của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh – Sự điều chỉnh chiến lược phát triển của các quốc gia <p><i>Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm đa cực – Xu thế đa cực 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh. – Giải thích được vì sao các quốc gia phải điều chỉnh chiến lược phát triển sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. – Trình bày được khái niệm đa cực. – Giải thích được vì sao thế giới hướng tới xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. – Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để hiểu và giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI MỸ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY	
<p><i>Giai đoạn từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1973</i></p> <p><i>Sự phát triển kinh tế (1945 – 1973)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển kinh tế (1945 – 1960) – Sự suy giảm kinh tế (1960 – 1973) <p><i>Tình hình chính trị – xã hội (1945 – 1973)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các chương trình cải cách xã hội – Phong trào đòi quyền công dân 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển (1945 – 1960) và sự suy giảm của nền kinh tế Mỹ (1960 – 1973). – Giải thích được vì sao những năm 1960 – 1973 ở Mỹ được gọi là “thời kì của những thay đổi”.
<p><i>Giai đoạn từ năm 1973 đến năm 2000</i></p> <p><i>Cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 và tác động đối với nước Mỹ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nước Mỹ với cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 – Thời kì lạm phát, đình đốn của nền kinh tế – Những vấn đề chính trị – xã hội <p><i>Những biện pháp điều chỉnh kinh tế – xã hội thập niên 80 của thế kỉ XX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chính sách kinh tế của Chính quyền Reagan – Tình hình chính trị – xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về diễn biến cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973. – Chỉ ra được tác động của cuộc khủng hoảng dầu mỏ đối với nước Mỹ. – Phân tích được nét chính về tình hình kinh tế, chính trị – xã hội của nước Mỹ trong thập niên 70 của thế kỉ XX. – Phân tích được những nội dung chính của chính sách kinh tế của chính quyền Reagan. – Nêu được nét chính về tình hình chính trị – xã hội nước

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Thời kì tăng trưởng (thập niên 90 của thế kỉ XX)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tăng trưởng kinh tế, tự do hoá thương mại – Tình hình chính trị – xã hội 	<p>Mỹ thập niên 80 của thế kỉ XX.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân kinh tế Mỹ tăng trưởng trong thập niên 90 của thế kỉ XX. – Nêu được nét chính về tình hình chính trị – xã hội nước Mỹ thập niên 90 của thế kỉ XX.
<p><i>Những năm đầu thế kỉ XXI đến nay</i></p> <p><i>Nước Mỹ từ đầu thế kỉ XXI đến nay</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác động của sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001 đối với nước Mỹ – Khái lược tình hình kinh tế – xã hội Mỹ những năm đầu thế kỉ XXI <p><i>Những nét chính về quá trình phát triển kinh tế – xã hội Mỹ từ năm 1945 đến nay</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về sự phát triển kinh tế – Về những biến đổi chính trị, xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được tác động của cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 đối với nước Mỹ. – Nêu được những sự kiện chính về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Mỹ những năm đầu thế kỉ XXI. – Phân tích được nét chính về sự phát triển kinh tế của nước Mỹ từ năm 1945 đến nay. – Phân tích được những nét chính về những biến đổi chính trị, xã hội nước Mỹ từ năm 1945 đến nay. – Vận dụng được hiểu biết về quá trình phát triển kinh tế – xã hội Mỹ để giải thích được vấn đề thời sự của Mỹ hiện nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÔNG CUỘC CẢI CÁCH MỞ CỬA Ở TRUNG QUỐC TỪ NĂM 1978 ĐẾN NAY	
<p><i>Bối cảnh lịch sử</i></p> <p><i>Khái quát các thời kì phát triển chính của Trung Quốc từ năm 1949 đến năm 1978</i></p> <p><i>Bối cảnh Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Những sai lầm về đường lối phát triển kinh tế xã hội trong hai thập niên 1959 – 1978 – Khủng hoảng trầm trọng về kinh tế – xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các thời kì phát triển chính của Trung Quốc trên đường thời gian: Thập niên đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959); hai thập niên không ổn định (1959 – 1978). – Giải thích được vì sao Trung Quốc phải tiến hành cải cách mở cửa: khủng hoảng kinh tế – xã hội trầm trọng do những sai lầm về đường lối phát triển kinh tế – xã hội trong hai thập niên 1959 – 1978.
<p><i>Quá trình cải cách mở cửa</i></p> <p><i>Đường lối cải cách</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Trọng tâm cải cách: phát triển kinh tế – Kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản – Tiến hành cải cách mở cửa, phát triển kinh tế thị trường – Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc <p><i>Các giai đoạn cải cách mở cửa:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Giai đoạn 1978 – 1991 – Giai đoạn 1992 – 2000 – Giai đoạn 2001 – 2012 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những nội dung chính của đường lối cải cách, mở cửa của Trung Quốc: phát triển kinh tế, kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, tiến hành cải cách mở cửa, phát triển kinh tế thị trường, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc. – Trình bày được các giai đoạn cải cách mở cửa của Trung Quốc trên đường thời gian: Giai đoạn khởi đầu (1978 – 1991); xây dựng thể chế kinh tế thị trường (1992 – 2000); từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường (2001 – 2012); cải cách mở cửa sâu rộng (2012 – 2020).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>– Giai đoạn 2012 – 2020</p> <p><i>Thành tựu chính và một số đặc điểm của cải cách mở cửa</i></p> <p><i>Những thành tựu chính</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – xã hội – Về khoa học công nghệ, văn hoá, giáo dục – Về đối ngoại <p><i>Một số đặc điểm của cải cách mở cửa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về bối cảnh lịch sử – Về phương thức cải cách mở cửa – Về quá trình cải cách mở cửa 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những thành tựu chính của công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội, khoa học công nghệ, văn hoá, giáo dục,... – Nêu được một số nét chính về chính sách đối ngoại của Trung Quốc. – Phân tích được những đặc điểm của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc về bối cảnh lịch sử, về phương thức mang “đặc sắc Trung Quốc”, phương châm “dò đá qua sông”; về quá trình cải cách: tính đồng bộ và phối hợp, lựa chọn trọng điểm,...
ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ	
<p><i>Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)</i></p> <p><i>Quá trình hình thành ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Quá trình hình thành ASEAN – Mục đích thành lập của ASEAN <p><i>Hành trình phát triển của ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999) – Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay) 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN. – Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN. – Phân tích được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. – Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Cơ cấu tổ chức của ASEAN (trình bày theo sơ đồ)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội nghị Cấp cao ASEAN – Hội đồng Điều phối ASEAN – Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN – Các Hội nghị Bộ trưởng chuyên ngành – Tổng Thư kí ASEAN và Ban Thư kí ASEAN – Ban Thư kí ASEAN quốc gia <p><i>Nguyên tắc cơ bản và phương thức hoạt động của ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên tắc cơ bản (theo Hiến chương ASEAN) – Phương thức ra quyết định của ASEAN 	<p>(1967 đến nay) trên đường thời gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được cơ cấu tổ chức của ASEAN thông qua sơ đồ. – Chỉ ra được những nguyên tắc cơ bản của ASEAN. – Giải thích được phương thức ASEAN (ASEAN Way) là cách tiếp cận riêng của ASEAN trong việc giải quyết các vấn đề của khu vực và duy trì quan hệ giữa các nước thành viên.
<p><i>Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực</i></p> <p><i>Ý tưởng và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN – Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN – Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN <p><i>Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC) 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN. – Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. – Phân tích được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) – Cộng đồng Văn hoá – Xã hội (ASCC) <p><i>Cộng đồng ASEAN sau năm 2015</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015 – Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN 	<p>ASEAN: Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Cộng đồng Văn hoá – Xã hội (ASCC).</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nhận xét về thuận lợi, khó khăn của Cộng đồng ASEAN. Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN.
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)	
<p><i>Cách mạng tháng Tám năm 1945</i></p> <p><i>Khái quát về Cách mạng tháng Tám năm 1945</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Diễn biến chính <p><i>Nguyên nhân thắng lợi, vị trí, ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong tiến trình lịch sử Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân thắng lợi – Ý nghĩa lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Phân tích được vị trí, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong tiến trình lịch sử Việt Nam.
<p><i>Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)</i></p> <p><i>Khái quát về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Những diễn biến chính <p><i>Nguyên nhân thắng lợi, vị trí, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong tiến trình lịch sử Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân thắng lợi – Vị trí, ý nghĩa lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. – Phân tích được vị trí, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong tiến trình lịch sử Việt Nam.
<p><i>Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)</i></p> <p><i>Khái quát về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Các giai đoạn phát triển chính <p><i>Nguyên nhân thắng lợi, vị trí, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tiến trình lịch sử Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân thắng lợi – Vị trí, ý nghĩa lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Phân tích vị trí, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tiến trình lịch sử Việt Nam. – Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
<p><i>Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay</i> <i>Khái quát về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Diễn biến chính <p><i>Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Ý nghĩa lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. – Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của: cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 năm 1975 đến đầu những năm 80 của thế kỉ XX), cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía Bắc và ở Biển Đông từ năm 1979 đến nay. – Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.
<p><i>Một số bài học lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về đại nghĩa dân tộc, tinh thần yêu nước – Về vai trò của khối đoàn kết dân tộc – Về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại – Về nghệ thuật lãnh đạo, nghệ thuật quân sự 	<ul style="list-style-type: none"> – Rút ra được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay: bài học về đại nghĩa dân tộc, tinh thần yêu nước; về vai trò của khối đoàn kết dân tộc trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay; về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<p>manh thời đại; nghệ thuật lãnh đạo và nghệ thuật quân sự.</p> <p>– Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.</p>
CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY	
<p><i>Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay</i></p> <p><i>Giai đoạn 1986 – 1995</i></p> <p><i>Giai đoạn 1996 – 2006</i></p> <p><i>Giai đoạn 2007 đến nay</i></p>	<p>– Xây dựng đường thời gian về các giai đoạn phát triển của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay, điểm lại các giai đoạn phát triển chính trên đường thời gian:</p> <p>+ Giai đoạn 1986 – 1995: khởi đầu công cuộc Đổi mới.</p> <p>+ Giai đoạn 1996 – 2006: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>+ Giai đoạn từ năm 2007 đến nay: tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng.</p>
<p><i>Đặc điểm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay</i></p> <p><i>Về bối cảnh lịch sử</i></p> <p>– Bối cảnh quốc tế, khu vực</p> <p>– Bối cảnh trong nước</p> <p><i>Về quá trình đổi mới</i></p> <p>– Đổi mới ở Việt Nam bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế</p>	<p>– Phân tích được công cuộc Đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế, khu vực có nhiều biến đổi. Kinh nghiệm cải cách của các nước gợi mở cho Việt Nam trong quá trình đổi mới.</p> <p>– Giải thích được quá trình đổi mới của Việt Nam bắt đầu</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>– Đổi mới kinh tế là trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới về chính trị, xã hội, văn hoá</p> <p><i>Về phương thức</i></p> <p>– Đổi mới ở Việt Nam diễn ra từ hai chiều: vừa có sự chỉ đạo từ trên xuống, vừa có sự sáng tạo của nhân dân từ dưới lên</p> <p>– Đổi mới gắn liền với quá trình hội nhập quốc tế</p>	<p>từ lĩnh vực kinh tế. Đổi mới kinh tế là trọng tâm, song song với đổi mới kinh tế, từng bước đổi mới về chính trị, xã hội, văn hoá.</p> <p>– Phân tích được công cuộc Đổi mới ở Việt Nam diễn ra từ hai chiều: vừa có sự chỉ đạo từ trên xuống, vừa có sự sáng tạo của nhân dân từ dưới lên (các địa phương, các hợp tác xã, doanh nghiệp).</p> <p>– Giải thích được công cuộc Đổi mới ở Việt Nam gắn liền với quá trình hội nhập quốc tế: mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động gia nhập ASEAN, hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế.</p>
<p><i>Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay</i></p> <p><i>Thành tựu cơ bản</i></p> <p>– Chấm dứt tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội kéo dài trong nhiều năm</p> <p>– Chuyển đổi quan trọng về mô hình kinh tế và mô hình quản lí kinh tế</p>	<p>– Giải thích được công cuộc Đổi mới đã đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình.</p> <p>– Phân tích được sự chuyển đổi quan trọng từ mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang mô hình mới – kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; từ mô hình quản lí kinh tế theo cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp chuyển sang mô hình quản lí kinh tế theo cơ chế thị trường.</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị – Vượt qua tình trạng bị bao vây cấm vận, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế – Giải quyết các vấn đề xã hội, phát triển văn hoá, con người <i>Một số bài học kinh nghiệm</i> – Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh – Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp – Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân – Kết hợp sức mạnh nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được những nét chính về quá trình xây dựng và đổi mới trong cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu quả của hệ thống chính trị. – Giải thích được Việt Nam đã vượt qua thế bị bao vây, cấm vận, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu, quan hệ quốc tế và thương mại quốc tế mở rộng mạnh mẽ. – Phân tích được nét chính về việc giải quyết các vấn đề xã hội, phát triển văn hoá, con người, chú trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Gắn kết tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. – Phân tích được đổi mới là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò lãnh đạo của Đảng. – Giải thích được sự cần thiết phải đổi mới đồng bộ tất cả các mặt của đời sống xã hội, có những bước đi thích hợp. – Vận dụng những hiểu biết về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử để phân tích được vai trò của quần chúng nhân dân trong công cuộc Đổi mới. – Trình bày được vai trò của việc kết hợp nội lực với ngoại lực, phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại như là cách thức để tận dụng thời cơ, vận hội để tiếp tục công

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<p>cuộc Đổi mới.</p> <p>– Có ý thức trân trọng những thành tựu của công cuộc Đổi mới, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc Đổi mới ở địa phương và đất nước.</p>
LỊCH SỬ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM	
<p><i>Quan hệ bang giao Việt Nam thời cổ – trung đại</i> <i>Quan hệ bang giao Việt Nam với Trung Quốc</i></p> <p>– Sự thiết lập quan hệ bang giao Việt Nam – Trung Quốc ở thế kỉ X</p> <p>– Đặc điểm của quan hệ bang giao Việt Nam – Trung Quốc</p> <p><i>Quan hệ bang giao Việt Nam với Đông Nam Á</i></p> <p>– Quan hệ bang giao Việt Nam – Đông Nam Á</p>	<p>– Tóm tắt được những nét chính về sự thiết lập quan hệ bang giao Việt Nam – Trung Quốc ở thế kỉ thứ X.</p> <p>– Phân tích được những đặc điểm của quan hệ bang giao Việt Nam – Trung Quốc.</p> <p>– Nêu được những nét chính trong quan hệ bang giao Việt Nam – Đông Nam Á.</p>
<p><i>Quan hệ đối ngoại Việt Nam thời cận – hiện đại</i> <i>Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945)</i></p> <p>– Bối cảnh lịch sử</p> <p>– Hoạt động đối ngoại chủ yếu</p> <p><i>Quan hệ đối ngoại Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp</i></p>	<p>– Nêu được nét khái quát về bối cảnh lịch sử và những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(1945 – 1954)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh lịch sử – Chủ trương đối ngoại – Những thành tựu chính 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tác động của hoàn cảnh lịch sử đến các hoạt động đối ngoại trong kháng chiến chống Pháp. – Nêu được nhận xét về những thành tựu của hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.
<p><i>Quan hệ đối ngoại Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh lịch sử – Chủ trương đối ngoại – Những thành tựu chính 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tác động của bối cảnh lịch sử đến các hoạt động đối ngoại trong kháng chiến chống Mỹ. – Đánh giá được những thành tựu đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ.
<p><i>Quan hệ đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh lịch sử – Chủ trương đối ngoại – Những thành tựu chính 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tác động của hoàn cảnh lịch sử đối với hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985. – Đánh giá được những thành tựu của đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.
<p><i>Quan hệ đối ngoại Việt Nam thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh lịch sử – Chủ trương hội nhập quốc tế – Thành tựu và thách thức của đối ngoại Việt Nam thời kì Đổi mới 	<ul style="list-style-type: none"> – Sưu tầm và sử dụng tư liệu để hiểu về quan hệ đối ngoại Việt Nam thời kì Đổi mới. – Giải thích được vì sao Việt Nam chủ trương hội nhập quốc tế. – Đánh giá được những thành tựu và thách thức của đối ngoại Việt Nam thời kì Đổi mới.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.
HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
<p><i>Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh</i> <i>Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh đất nước – Hoàn cảnh quê hương – Hoàn cảnh gia đình <p><i>Tiểu sử Hồ Chí Minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Xuất thân – Quê quán <p><i>Khái quát về sự nghiệp của Hồ Chí Minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tuổi trẻ – Hoạt động ở nước ngoài (1911 – 1941) – Trở về Việt Nam – Trong nhà tù ở Trung Quốc – Hoạt động lãnh đạo cách mạng 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. – Phân tích được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. <ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh. <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh trên đường thời gian.
<i>Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Xác định con đường cứu nước</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hành trình đi tìm đường cứu nước – Con đường cứu nước – Ý nghĩa của việc tìm ra con đường cứu nước <p><i>Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng – Triệu tập và chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam <p><i>Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5 năm 1941) – Sáng lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) – Trực tiếp lãnh đạo và tiến hành các hoạt động đấu tranh ngoại giao trong thời gian từ năm 1941 đến năm 1945 – Cùng Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà <p><i>Lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 – 1969)</i></p>	<p>Hồ Chí Minh trên bản đồ.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh. – Nêu được ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước. <p>– Phân tích được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản.</p> <p>– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc triệu tập Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5 năm 1941).</p> <p>– Phân tích được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) và vai trò của Hồ Chí Minh.</p> <p>– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945 – 1946) khi thực hiện chủ trương “hoà để tiến” thông qua việc kí Hiệp định Sơ bộ</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Giai đoạn 1945 – 1946 – Giai đoạn 1946 – 1954 – Giai đoạn 1954 – 1969 	<p>(ngày 06 tháng 3 năm 1946) và bản Tạm ước (ngày 14 tháng 9 năm 1946).</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954). – Phân tích được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1969). – Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.
<p><i>Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam</i></p> <p><i>Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Danh hiệu: + Năm 1987, UNESCO công nhận Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn + Nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và những giá trị tư tưởng và văn hoá của Hồ Chí Minh – Tưởng niệm: Nhà lưu niệm; Đài kỉ niệm; Đặt tên một số đại lộ,... <p><i>Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bảo tàng, Nhà lưu niệm – Hình tượng văn học, nghệ thuật – Phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được vì sao nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh. – Giải thích được vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam. – Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
<ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa, tham quan di tích lịch sử, văn hoá. – Tham quan các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử,... – Tổ chức các câu lạc bộ “Em yêu lịch sử”, “Nhà sử học trẻ tuổi”,... – Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, các trò chơi lịch sử,... 	

CHUYÊN ĐỀ LỚP 12

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 12.1: LỊCH SỬ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM	
<p>Khái lược về tín ngưỡng và tôn giáo</p> <p><i>Khái niệm tín ngưỡng</i></p> <p><i>Khái niệm tôn giáo</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.
<p>Một số tín ngưỡng ở Việt Nam</p> <p><i>Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Quốc tổ Hùng Vương</i></p> <p><i>Thờ Mẫu</i></p> <p><i>Thờ Thành hoàng</i></p> <p><i>Thờ anh hùng dân tộc</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam – Chỉ ra được một số nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.
Một số tôn giáo ở Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>Nho giáo</i></p> <p><i>Phật giáo</i></p> <p><i>Cơ Đốc giáo</i></p> <p><i>Đạo giáo</i></p> <p><i>Tôn giáo khác</i></p>	<p>sống văn hoá – xã hội Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá – xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, thăm quan chùa chiền ở địa phương. – Nêu được những biểu hiện của Cơ Đốc giáo, Đạo giáo trong đời sống văn hoá – xã hội. – Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác – Có ý thức tôn trọng, vận động người khác tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
<p>Chuyên đề 12.2: NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY</p>	
<p><i>Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – 1973)</i></p> <p><i>Thời kì Nhật Bản bị quân đội Đồng minh chiếm đóng (1945 – 1952)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Quá trình dân chủ hoá – Những chuyển biến về kinh tế, xã hội <p><i>Thời kì tăng trưởng cao về kinh tế (1952 – 1973)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân của “sự thần kì” kinh tế <p>– Tình hình chính trị – xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng: quá trình dân chủ hoá, những chuyển biến về kinh tế, xã hội. – Suu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản. – Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản. – Phân tích được nét chính về tình hình chính trị – xã hội Nhật Bản trong những năm 1952 – 1973.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Nhật Bản từ năm 1973 đến nay</p> <p><i>Thời kì khủng hoảng và điều chỉnh (1973 – 2000)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển không ổn định về kinh tế – Tình hình chính trị, xã hội <p><i>Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cải cách và quá trình phục hồi kinh tế – Những chuyển biến về chính trị, xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản kể từ sau năm 1973. – Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản. – Trình bày được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI. – Phân tích được những chuyển biến về chính trị, xã hội của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI: mặt tích cực, mặt tiêu cực.
<p>Bài học thành công từ lịch sử Nhật Bản</p> <ul style="list-style-type: none"> – Về nhân tố con người – Về vai trò của Nhà nước – Về hệ thống tổ chức, quản lí sản xuất – Về truyền thống lịch sử, văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được nhận xét về những bài học thành công của Nhật Bản: + Nguồn nhân lực được đào tạo chu đáo, có ý chí vươn lên, cần cù lao động, đề cao kỉ luật và coi trọng tiết kiệm; + Vai trò quan trọng của nhà nước trong việc đề ra các chiến lược phát triển và sự điều tiết cần thiết để đưa nền kinh tế liên tục tăng trưởng; + Hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti Nhật Bản; + Truyền thống văn hoá và việc giữ gìn bản sắc lâu đời của người Nhật. – Trân trọng và có ý thức học hỏi những phẩm chất cần cù,

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	kỉ luật, coi trọng bản sắc văn hoá dân tộc của người Nhật.
Chuyên đề 12.3: QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM	
<p>Một số khái niệm</p> <p><i>Toàn cầu hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm toàn cầu hoá – Những biểu hiện của toàn cầu hoá – Tác động của toàn cầu hoá: tích cực và tiêu cực <p><i>Hội nhập quốc tế</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm hội nhập quốc tế – Các lĩnh vực hội nhập quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm toàn cầu hoá. – Suu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về toàn cầu hoá. – Phân tích được những biểu hiện và tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được khái niệm hội nhập quốc tế. – Nêu được các lĩnh vực hội nhập quốc tế: kinh tế, chính trị, an ninh – quốc phòng, văn hoá, giáo dục,... thông qua ví dụ cụ thể.
<p>Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế</p> <p><i>Tác động của toàn cầu hoá đối với Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác động tích cực – Tác động tiêu cực <p><i>Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Việt Nam hội nhập khu vực Đông Nam Á, vai trò và đóng góp của Việt Nam trong ASEAN – Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được những tác động (tích cực và tiêu cực) của toàn cầu hoá đối với Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. – Biết cách suu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới. – Phân tích được vai trò và đóng góp của Việt Nam trong tổ chức ASEAN (trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, an ninh, văn hoá, xã hội,...). – Nêu được những nét chính về quá trình Việt Nam tham

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	gia các tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc, các tổ chức khác). – Trân trọng và có ý thức đóng góp vào những thành tựu hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Chương trình môn Lịch sử được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, vì vậy phương pháp dạy học chủ đạo là tích cực hoá hoạt động của người học. Phương pháp dạy học tích cực chú trọng tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động học tập gắn với những tình huống của cuộc sống; gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn; tăng cường tự học, làm việc trong nhóm nhằm phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) và năng lực lịch sử cho học sinh, đáp ứng mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông.

2. Định hướng phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Phương pháp hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, giáo viên giúp học sinh từng bước hình thành và phát triển lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính; niềm tự hào về truyền thống lịch sử của quê hương, đất nước; phát triển các giá trị nhân văn, nhân ái, trung thực, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, thông qua các bài học lịch sử, giáo viên truyền cảm hứng để học sinh yêu thích lịch sử, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

b) Phương pháp hình thành và phát triển các năng lực chung

Trong dạy học môn Lịch sử, giáo viên giúp học sinh hình thành và phát triển những năng lực chung thông qua các nội dung học tập và hoạt động thực hành, thực tế. Cụ thể:

– Năng lực tự chủ và tự học: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin từ các nguồn sử liệu; trình bày ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử; khảo sát, thực hành lịch sử trên thực địa, di tích lịch sử và văn hóa ở địa phương; vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích các vấn đề thực tế; tìm tòi, khám phá và tự học lịch sử;...

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm; hoạt động trải nghiệm tại thực địa, bảo tàng, di tích lịch sử và văn hóa; hoạt động phỏng vấn nhân chứng lịch sử;...

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết, ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật lịch sử; tìm logic trong cách thức giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề trong lịch sử; vận dụng bài học kinh nghiệm lịch sử trong thực tế cuộc sống;...

3. Định hướng phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử

Phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của khoa học lịch sử: thông qua các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện lịch sử, phục dựng một cách chân thực, khách quan quá trình hình thành, phát triển của các sự kiện, quá trình lịch sử, đồng thời đặt quá trình phát triển đó trong sự tương tác với các nhân tố liên quan trong suốt quá trình vận động của chúng.

Dạy học môn Lịch sử theo phương pháp dạy học tích cực, giáo viên không đặt trọng tâm vào việc truyền đạt kiến thức lịch sử cho học sinh mà chú trọng hướng dẫn học sinh nhận diện và khai thác các nguồn sử liệu, từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử để tìm kiếm sự thật lịch sử một cách khoa học, vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn, từ đó hình thành và phát triển năng lực lịch sử cho học sinh.

Phương pháp dạy học lịch sử theo định hướng phát triển năng lực chú trọng việc phát hiện và giải quyết vấn đề, sử dụng các phương tiện trực quan (hiện vật lịch sử, tranh ảnh lịch sử, bản đồ, biểu đồ, sa bàn, mô hình, phim tài liệu lịch sử,...). Giáo viên giúp học sinh biết cách tìm tòi, khai thác các nguồn sử liệu, đồng thời biết cách phân tích sự kiện, quá trình lịch sử và tự mình rút ra những nhận xét, đánh giá, tạo cơ sở phát triển năng lực tự học lịch sử suốt đời và khả năng ứng dụng vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội Việt Nam và thế giới.

Các hình thức tổ chức dạy học môn Lịch sử bao gồm các hoạt động dạy học ở trong và ngoài lớp học. Giáo viên cần

tăng cường mở rộng không gian dạy học trên thực địa (di tích lịch sử, di sản văn hoá, bảo tàng, triển lãm,...), kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động trải nghiệm trên thực tế. Thông qua việc kết hợp các hình thức hoạt động đa dạng như thảo luận nhóm, làm việc nhóm, làm việc cá nhân,... giáo viên giúp học sinh trở thành “người đóng vai lịch sử” để khám phá lịch sử, vận dụng sáng tạo kiến thức vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục lịch sử, cần chú trọng kết hợp giữa giáo dục lịch sử trong nhà trường với gia đình và xã hội. Sự phối hợp giữa ba môi trường giáo dục (nhà trường, gia đình, xã hội) là nền tảng quan trọng để hình thành năng lực lịch sử. Giáo viên cần chủ động thiết lập và duy trì mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong công tác giáo dục lịch sử thông qua các mô hình phối hợp như: tổ chức hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, giáo dục về chủ quyền quốc gia cho học sinh có sự tham gia của cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội.

Chương trình môn Lịch sử chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông; khuyến khích học sinh tự tìm đọc, thu thập tư liệu lịch sử trên mạng Internet, trong thư viện và trong các hệ thống cơ sở dữ liệu khác để thực hiện các nghiên cứu của cá nhân hoặc nhóm; phát triển kỹ năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để hỗ trợ việc tái hiện, tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Mục đích đánh giá kết quả giáo dục lịch sử là xác định mức độ đáp ứng của học sinh đối với yêu cầu cần đạt về kiến thức và năng lực lịch sử ở từng chủ đề, từng lớp học, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy – học nhằm đạt được mục tiêu của chương trình. Hoạt động đánh giá phải khuyến khích được sự say mê học tập, tìm hiểu, khám phá các vấn đề lịch sử của học sinh; giúp học sinh có thêm sự tự tin, chủ động sáng tạo trong học tập.

Nội dung đánh giá cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức lịch sử đã học trong những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử, thuộc lòng và ghi nhớ máy móc làm trọng tâm.

Thông qua đánh giá, giáo viên có thể nắm được tình hình học tập, mức độ phân hoá về trình độ học lực của học sinh trong lớp, từ đó có biện pháp giúp đỡ học sinh chưa đạt yêu cầu về kiến thức, năng lực, phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về lịch sử, đồng thời điều chỉnh, hoàn thiện phương pháp giáo dục lịch sử.

Về hình thức đánh giá, cần kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học sinh; kết hợp kiểm tra miệng, kiểm tra viết, bài tập thực hành, dự án nghiên cứu; kết hợp đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận.

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

Chương trình môn Lịch sử sử dụng một số từ ngữ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của người học. Trong bảng liệt kê dưới đây, đối tượng, mức độ cần đạt được chỉ dẫn bằng các động từ khác nhau. Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng này hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
<i>Biết</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách tìm kiếm thông tin bằng công cụ tìm kiếm, sử dụng từ khoá tra cứu trên Internet, thư viện điện tử, thư viện truyền thống,... – Nhận diện tư liệu lịch sử: phân biệt được các loại hình tư liệu lịch sử (chữ viết, hiện vật lịch sử,...). – Biết cách khai thác tư liệu lịch sử: bước đầu hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được một số tư liệu lịch sử trong quá trình học tập. – Kể được tên các sự kiện, nhân vật lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể. – Nêu được, chỉ ra được diễn biến chính của các sự kiện, nhân vật lịch sử ở mức đơn giản, trong tình huống không thay đổi. – Liệt kê được, ghi lại hoặc kể lại được các mốc chính của một giai đoạn, quá trình lịch sử, nhân vật lịch sử,... – Phát biểu hoặc nêu được định nghĩa về các thuật ngữ, khái niệm lịch sử cơ bản.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí của sự kiện, nhân vật, giai đoạn trong tiến trình lịch sử. – Đặt đúng vị trí của sự kiện, nhân vật, giai đoạn lịch sử (trên đường thời gian, bản đồ, biểu đồ lịch sử,...). – Kết nối được các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử có quan hệ logic hoặc có liên quan với nhau.
Hiểu	<ul style="list-style-type: none"> – Tái hiện và trình bày được (nói hoặc viết) diễn trình của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử (từ đơn giản đến phức tạp). – Mô tả được bằng ngôn ngữ của mình những nét cơ bản về sự kiện, nhân vật, giai đoạn lịch sử, một số nền văn minh trên thế giới và Việt Nam (đời sống vật chất, tinh thần, các thành tựu tiêu biểu,...). – Sử dụng được bản đồ, lược đồ, biểu đồ để giới thiệu về các sự kiện, hành trình lịch sử, những biến đổi quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội ở một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam. – Lập được đường thời gian (timeline) hoặc xây dựng được sơ đồ tiến trình lịch sử, diễn biến chính của các sự kiện (các cuộc chiến tranh, khởi nghĩa, trận đánh lớn, các cuộc cách mạng, cải cách,...). – Giải thích được nguồn gốc, nguyên nhân, sự vận động của các sự kiện lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại. – Phân tích được tác động, mối quan hệ qua lại giữa các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. – Lí giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử (giữa các sự kiện, quá trình lịch sử; giữa điều kiện tự nhiên với sự phát triển xã hội, giữa con người với con người,...). – Phân tích được nguyên nhân thành công hay thất bại (của các sự kiện, biến cố lịch sử, phong trào cách mạng, chiến tranh, cải cách,...).

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
	<ul style="list-style-type: none"> – So sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. – Đưa ra được những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử. – Phân tích được sự tiếp nối và sự thay đổi của các sự kiện, nhân vật, vấn đề trong tiến trình lịch sử. – Biết suy nghĩ theo những chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.
Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vấn đề cần giải quyết về các sự kiện, nhân vật, giai đoạn trong tiến trình lịch sử. – Tự tìm hiểu, đặt câu hỏi để khám phá những khía cạnh, bối cảnh, phương diện khác nhau của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. – Xác định được vị trí, vai trò của sự kiện, nhân vật, vấn đề trong tiến trình lịch sử. <hr/> <ul style="list-style-type: none"> – Đưa ra được đề xuất về phương hướng giải quyết, lí giải vấn đề lịch sử. – Hoàn thành được các bài tập vận dụng kiến thức trong các tình huống không thay đổi nhằm rèn luyện kĩ năng cơ bản, củng cố kiến thức lịch sử. – Biết tìm tòi, khám phá thông qua sử liệu, tài liệu hoặc tham quan, dã ngoại để trả lời các câu hỏi khác nhau về một sự kiện, vấn đề, nhân vật lịch sử.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
	<ul style="list-style-type: none"> – Rút ra được bài học lịch sử, vận dụng được các kiến thức, bài học lịch sử để giải quyết vấn đề trong một tình huống mới. Có khả năng kết nối những vấn đề lịch sử trong quá khứ với cuộc sống hiện tại. – Hoàn thành được các bài tập đòi hỏi sự phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng kiến thức lịch sử vào những tình huống thay đổi, giải quyết vấn đề với sự sáng tạo của người học. – Lập được kế hoạch học tập cho một buổi học trên thực địa, tham quan bảo tàng, di tích dưới sự hướng dẫn của giáo viên. – Xây dựng, thuyết trình được báo cáo ngắn trên cơ sở thu thập và phân tích, tổng hợp thông tin từ các nguồn sử liệu khác nhau (thông qua kết quả làm việc cá nhân hoặc của nhóm). – Liên hệ thực tế địa phương, vận dụng được kiến thức đã học về lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam vào trường hợp cụ thể, hoàn cảnh cụ thể của địa phương. – Thiết kế được một kế hoạch hành động hoặc một áp phích vận động mọi người cùng chung tay bảo tồn các di sản lịch sử – văn hoá ở địa phương. – Có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng cho mỗi lớp học là 105 tiết/năm học, dạy trong 35 tuần. Trong đó, thời lượng dành cho các chủ đề của nội dung cốt lõi là 70 tiết. Dự kiến tỉ lệ % thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung như sau:

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHỦ ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP			
– Lịch sử và Sử học	8%		

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
– Vai trò của Sử học	8%		
LỊCH SỬ THẾ GIỚI			
– Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ – trung đại	10%		
– Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	10%		
– Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản		10%	
– Sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội		10%	
– Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh			8%
– Quá trình phát triển kinh tế – xã hội của nước Mỹ từ năm 1945 đến nay			7%
– Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 đến nay			7%
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á			
– Văn minh Đông Nam Á	8%		
– Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á		8%	
– ASEAN: Những chặng đường lịch sử			8%
LỊCH SỬ VIỆT NAM			
– Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	16%		
– Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	10%		
– Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)		12%	

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
– Làng xã Việt Nam trong lịch sử		10%	
– Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)		12%	
– Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông		8%	
– Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng Tám năm 1945 đến nay)			12%
– Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay			10%
– Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam			10%
– Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam			8%
ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ	10%	10%	10%
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	20%	20%	20%

Thời lượng dành cho các chuyên đề học tập là 35 tiết. Dự kiến số tiết của các chuyên đề học tập (bao gồm cả kiểm tra, đánh giá) như sau:

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHUYÊN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP			
Chuyên đề 10.1: Các lĩnh vực của Sử học	10		
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ			
Chuyên đề 10.2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam	15		

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Chuyên đề 11.1: Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam		15	
Chuyên đề 12.1: Lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam			15
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC			
Chuyên đề 10.3: Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử	10		
Chuyên đề 11.2: Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX		10	
Chuyên đề 11.3: Danh nhân trong lịch sử Việt Nam		10	
Chuyên đề 12.2: Nhật Bản: Hành trình lịch sử từ năm 1945 đến nay			10
Chuyên đề 12.3: Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam			10

3. Thiết bị dạy học

Sử dụng thiết bị dạy học là một trong những điều kiện quyết định thành công của việc đổi mới phương pháp dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực.

Cơ sở giáo dục cần có các thiết bị dạy học tối thiểu như: hệ thống bản đồ (bản đồ thế giới, bản đồ các châu lục, bản đồ Đông Nam Á và Việt Nam); tranh ảnh lịch sử, sa bàn, sơ đồ, biểu đồ với sự hỗ trợ của các phương tiện kĩ thuật như máy tính, đèn chiếu, máy chiếu, tivi, radio, video, các loại băng đĩa,...

Lịch sử là môn học có hệ thống kiến thức thuộc về quá khứ, học sinh không thể trực tiếp quan sát. Công nghệ thông tin sẽ hỗ trợ việc tái hiện lịch sử thông qua các phim tài liệu, nguồn sử liệu, hình ảnh, video,... Giáo viên cần khai thác, sử dụng các chức năng cơ bản của Internet và các phần mềm tin học để đưa vào bài giảng các hình ảnh, âm thanh, tư liệu lịch sử,... góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, truyền cảm hứng để học sinh yêu thích môn Lịch sử.